

Số: 37/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV

Vinh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp Học bổng khuyến khích học tập - mức 1 (Học bổng SPKT) cho sinh viên trong học kỳ 1 năm học 2024- 2025**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG**

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-BLĐT BXH, ngày 09/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc "Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long";

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 26/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành Quy định xét thi đua, khen thưởng, học bổng và trợ cấp học tập cho sinh viên đại học chính quy

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng xét Rèn luyện, Học bổng và Trợ cấp học tập cho sinh viên học kỳ 1 năm học 2024- 2025 họp vào ngày 24/04/2025;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay cấp học bổng khuyến khích học tập -mức 1 (Học bổng SPKT) cho 192 sinh viên đạt thành tích học tập và rèn luyện Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ 1 năm học 2024-2025 (Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch –Tài chính, Trưởng các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, Phòng CTSV.



**HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 46 ĐẠI HỌC  
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HỌC BỔNG SPKT)**

**HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2024 - 2025**

(Kèm theo quyết định số: 37/QĐ-DHSPKTVL-CTSV ngày 29 tháng 04 năm 2025)

| TT                | Mssv     | Họ và tên       |        | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|-------------------|----------|-----------------|--------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 1.ĐH.CNKTOTO 2021 |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 1                 | 21001188 | Nguyễn Tuấn     | Khang  | Tốt          | 3,74           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 2                 | 21001076 | Đỗ Thành        | Tiến   | Tốt          | 3,28           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 2.ĐH.CNTT 2021    |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 3                 | 21004019 | Hồ Chí          | Nguyên | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 4                 | 21004178 | Nguyễn Tấn      | Phát   | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 5                 | 21004042 | Cao Nhật Mỹ     | Toàn   | Xuất sắc     | 3,71           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 6                 | 21004287 | Trần Tấn        | Vạn    | Xuất sắc     | 3,63           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 7                 | 21004171 | Phan Minh       | Thắng  | Tốt          | 3,83           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 8                 | 21004169 | Sơn Xuân        | Đi     | Tốt          | 3,67           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 9                 | 21004173 | Trần Phúc       | Vinh   | Tốt          | 3,67           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 3.ĐH.CNTP 2021    |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 10                | 21005149 | Nguyễn Thị Hồng | Gấm    | Tốt          | 3,56           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 11                | 21005117 | Nguyễn Thị Anh  | Thư    | Tốt          | 3,43           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 4.ĐH.TY 2021      |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 12                | 21010011 | Nguyễn Anh      | Thư    | Xuất sắc     | 3,83           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 13                | 21010059 | Nguyễn Ngân     | Khanh  | Xuất sắc     | 3,83           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 14                | 21010010 | Lê Hoàng        | Khuong | Xuất sắc     | 3,65           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 15                | 21010125 | Phạm Thị Kiều   | Xuân   | Xuất sắc     | 3,65           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |



| TT | Mssv     | Họ và tên    |        | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|----|----------|--------------|--------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 16 | 21010114 | Nguyễn Thành | Nguyễn | Tốt          | 3,82           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 17 | 21010099 | Đỗ Ngọc      | Phi    | Tốt          | 3,77           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 18 | 21010115 | Nguyễn Ngọc  | Anh    | Tốt          | 3,73           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 19 | 21010090 | Trần Văn     | Huy    | Tốt          | 3,68           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 20 | 21010066 | Phạm Thanh   | Nhật   | Tốt          | 3,59           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |

#### 5.ĐH.KINH TẾ 2021

|    |          |                  |       |          |      |          |         |    |           |    |  |
|----|----------|------------------|-------|----------|------|----------|---------|----|-----------|----|--|
| 21 | 21017104 | Trần Linh        | Đan   | Xuất sắc | 3,89 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 22 | 21017100 | Nguyễn Vũ        | Hải   | Xuất sắc | 3,87 | Xuất sắc | 415.000 | 15 | 6.225.000 | 15 |  |
| 23 | 21017144 | Tạ Thị Hoài      | Thu   | Xuất sắc | 3,87 | Xuất sắc | 415.000 | 15 | 6.225.000 | 15 |  |
| 24 | 21017050 | Ngô Nhật         | Thy   | Xuất sắc | 3,76 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 17 |  |
| 25 | 21017202 | Trần Thị Tuyết   | Ngoan | Tốt      | 3,89 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 26 | 21017083 | Nguyễn Thị Thanh | Liên  | Tốt      | 3,78 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 27 | 21017145 | Phạm Nguyễn Lan  | Hương | Tốt      | 3,61 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |

#### 6. ĐH.KHMT 2021

|    |          |                 |       |          |      |          |         |    |           |    |  |
|----|----------|-----------------|-------|----------|------|----------|---------|----|-----------|----|--|
| 28 | 21022019 | Huỳnh Bảo       | Thắng | Xuất sắc | 4,00 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 17 |  |
| 29 | 21022010 | Lê Nguyễn Quang | Bình  | Xuất sắc | 3,71 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 17 |  |
| 30 | 21022008 | Nguyễn Hữu      | Thọ   | Xuất sắc | 3,65 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 23 |  |

Danh sách gồm có 30 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 ĐẠI HỌC  
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HỌC BỔNG SPKT)**

**HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2024 - 2025**

(Kèm theo quyết định số: 37/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV ngày 29 tháng 04 năm 2025)

| TT                        | Mssv     | Họ và tên              | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|---------------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| <b>1.ĐH.CNKTTOTO 2022</b> |          |                        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 1                         | 22001619 | Trịnh Triển Triệu Minh | Xuất sắc     | 3,89           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 2                         | 22001628 | Huỳnh Thanh Mẫn        | Xuất sắc     | 3,61           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 3                         | 22001370 | Lê Thanh Sang          | Tốt          | 3,63           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 4                         | 22001598 | Trần Thị Diễm Nguyên   | Tốt          | 3,59           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 5                         | 22001053 | Phạm Thanh Hiền        | Xuất sắc     | 3,56           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 6                         | 22001118 | Phan Thanh Phong       | Tốt          | 3,55           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 7                         | 22001040 | Nguyễn Thanh Nhân      | Tốt          | 3,52           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 8                         | 22001226 | Nguyễn Chí Nghĩa       | Tốt          | 3,48           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 9                         | 22001024 | Huỳnh Châu Tấn         | Tốt          | 3,39           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 10                        | 22001590 | Trần Hoàng Phúc        | Tốt          | 3,35           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 11                        | 22001363 | Nguyễn Anh Kiệt        | Tốt          | 3,21           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>2.ĐH.CNKTTĐĐT 2022</b> |          |                        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 12                        | 22003010 | Nguyễn Minh Nhựt       | Xuất sắc     | 3,89           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>3.ĐH.CNTT 2022</b>     |          |                        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 13                        | 22004079 | Lê Nguyễn Hoàng Phú    | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 14                        | 22004131 | Nguyễn Thế Lỵ          | Tốt          | 4,00           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 15                        | 22004046 | Dương Anh Văn          | Tốt          | 3,70           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 16                        | 22004027 | Hồ Gia Huy             | Tốt          | 3,68           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |



| TT                              | Mssv     | Họ và tên             |       | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|---------------------------------|----------|-----------------------|-------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 17                              | 22004015 | Trần Văn              | Còn   | Tốt          | 3,67           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 18                              | 22004071 | Nguyễn Thành          | Tỳ    | Tốt          | 3,35           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| <b>4.ĐH.CNKTCĐT 2022</b>        |          |                       |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 19                              | 22006011 | Lê Duy                | Khánh | Xuất sắc     | 3,50           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| <b>5.ĐH.CNKTDK&amp;TĐH 2022</b> |          |                       |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 20                              | 22007031 | Đỗ Thành              | Nghê  | Tốt          | 3,35           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 23             |         |
| 21                              | 22007009 | Trương Anh Kiều       | Tiên  | Tốt          | 3,33           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 22                              | 22007014 | Nguyễn Hoàng Nhật Tân |       | Tốt          | 3,30           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 23             |         |
| <b>6.ĐH.CNKTCCK 2022</b>        |          |                       |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 23                              | 22008018 | Phạm Minh             | Tạo   | Tốt          | 3,36           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 27             |         |
| 24                              | 22008041 | Bùi Phúc              | Điền  | Tốt          | 3,26           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| <b>7.ĐH.TY 2022</b>             |          |                       |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 25                              | 22010027 | Nguyễn Quốc           | Thuận | Tốt          | 4,00           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 26                              | 22010005 | Trần Như              | Quỳnh | Tốt          | 3,73           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 22             |         |
| 27                              | 22010045 | Trương Minh           | Thuận | Tốt          | 3,61           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 23             |         |
| 28                              | 22010037 | Trần Huỳnh Anh        | Khoa  | Tốt          | 3,47           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>8.ĐH.CNSH 2022</b>           |          |                       |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 29                              | 22014006 | Lê Hoài               | An    | Tốt          | 3,20           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| <b>9.ĐH.KINH TẾ 2022</b>        |          |                       |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 30                              | 22017047 | Trần Thị Tường        | Vy    | Xuất sắc     | 3,61           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 31                              | 22017208 | Lâm Thị Kiều          | Trình | Tốt          | 3,78           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 23             |         |
| 32                              | 22017233 | Nguyễn Hữu            | Lợi   | Tốt          | 3,70           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 33                              | 22017229 | Nguyễn Văn            | Tài   | Xuất sắc     | 3,33           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |

| TT                   | Mssv     | Họ và tên             |       | Xếp loại<br>RL1 | Điểm<br>TBCHT<br>HK1 | Loại<br>chung | Đơn giá<br>học bổng<br>(Đvt:<br>đồng/TC) | Số<br>TC | Thành<br>tiền<br>(Đvt:<br>đồng) | TC<br>đăng<br>ký<br>HK1 | Ghi<br>chú |
|----------------------|----------|-----------------------|-------|-----------------|----------------------|---------------|------------------------------------------|----------|---------------------------------|-------------------------|------------|
| 10.ĐH.KTCTXD 2022    |          |                       |       |                 |                      |               |                                          |          |                                 |                         |            |
| 34                   | 22020009 | Đỗ Thành              | Danh  | Xuất sắc        | 3,67                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 18                      |            |
| 11.ĐH.QTDVDLVLH 2022 |          |                       |       |                 |                      |               |                                          |          |                                 |                         |            |
| 35                   | 22021004 | Nguyễn Thanh          | Thúy  | Xuất sắc        | 4,00                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 19                      |            |
| 36                   | 22021022 | Trần Huỳnh            | Mai   | Xuất sắc        | 4,00                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 19                      |            |
| 37                   | 22021030 | Trương Thị Kim        | Trinh | Xuất sắc        | 4,00                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 19                      |            |
| 38                   | 22021033 | Võ Trường             | Thạnh | Xuất sắc        | 4,00                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 19                      |            |
| 39                   | 22021031 | Nguyễn Trần           | Duna  | Xuất sắc        | 3,63                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 19                      |            |
| 12.ĐH.KHMT 2022      |          |                       |       |                 |                      |               |                                          |          |                                 |                         |            |
| 40                   | 22022007 | Bùi Thanh             | Kiện  | Tốt             | 3,24                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 17                      |            |
| 13.ĐH.GDH 2022       |          |                       |       |                 |                      |               |                                          |          |                                 |                         |            |
| 41                   | 22030007 | Nguyễn Ngọc<br>Phương | Linh  | Xuất sắc        | 3,85                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 20                      |            |
| 42                   | 22030010 | Đoàn Thị Minh         | Thư   | Xuất sắc        | 3,82                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                       | 17                      |            |

**Danh sách gồm có 42 sinh viên**

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



*PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 ĐẠI HỌC  
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HỌC BỔNG SPKT)**

**HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2024 - 2025**

(Kèm theo quyết định số: 37/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV ngày 29 tháng 04 năm 2025)

| TT                 | Mssv     | Họ và tên      |        | Xếp loại<br>RL1 | Điểm<br>TBCHT<br>HK1 | Loại<br>chung | Đơn giá<br>học bổng<br>(Đvt:<br>đồng/TC) | Số<br>TC | Thành tiền<br>(Đvt: đồng) | TC<br>đăng<br>ký<br>HK1 | Ghi<br>chú |
|--------------------|----------|----------------|--------|-----------------|----------------------|---------------|------------------------------------------|----------|---------------------------|-------------------------|------------|
| 1.ĐH.CNKTTOTO 2023 |          |                |        |                 |                      |               |                                          |          |                           |                         |            |
| 1                  | 23001351 | Trần Văn       | Chiêu  | Xuất sắc        | 3,88                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 18                      |            |
| 2                  | 23001222 | Nguyễn Văn     | Đức    | Xuất sắc        | 3,73                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 22                      |            |
| 3                  | 23001580 | Trần Bảo       | Ngọc   | Tốt             | 3,62                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 21                      |            |
| 4                  | 23001024 | Lê Minh        | Bằng   | Tốt             | 3,53                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 17                      |            |
| 5                  | 23001207 | Nguyễn Hưng    | Thịnh  | Tốt             | 3,50                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 22                      |            |
| 6                  | 23001503 | Nguyễn Thanh   | Huy    | Tốt             | 3,50                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 23                      |            |
| 7                  | 23001244 | Lê Quang       | Thịnh  | Tốt             | 3,48                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 21                      |            |
| 8                  | 23001506 | Tiêu Thanh     | An     | Tốt             | 3,47                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 17                      |            |
| 9                  | 23001382 | Nguyễn Gia     | Huy    | Tốt             | 3,44                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 19                      |            |
| 10                 | 23001061 | Trần Văn       | Tuấn   | Tốt             | 3,38                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 21                      |            |
| 11                 | 23001403 | Phạm Hải       | Đăng   | Tốt             | 3,33                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 19                      |            |
| 12                 | 23001301 | Lê Võ Thanh    | Thái   | Tốt             | 3,28                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 19                      |            |
| 13                 | 23001488 | Trương Lê Hiếu | Nhân   | Tốt             | 3,25                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 20                      |            |
| 2.ĐH.CNCTM 2023    |          |                |        |                 |                      |               |                                          |          |                           |                         |            |
| 14                 | 23002001 | Nguyễn Hữu     | Phú    | Xuất sắc        | 4,00                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 17                      |            |
| 15                 | 23002010 | Nguyễn Văn     | Trường | Tốt             | 3,68                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 19                      |            |
| 3.ĐH.CNKTTĐĐT 2023 |          |                |        |                 |                      |               |                                          |          |                           |                         |            |
| 16                 | 23003071 | Đoàn Thị Thúy  | Liễu   | Xuất sắc        | 3,72                 | Xuất sắc      | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 18                      |            |



| TT | Mssv     | Họ và tên |     | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|----|----------|-----------|-----|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 17 | 23003058 | Tăng Hoài | Ân  | Tốt          | 3,81           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 18 | 23003027 | Võ Tấn    | Đạt | Tốt          | 3,39           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |

#### 4.ĐH.CNTT 2023

|    |          |                 |       |          |      |          |         |    |           |    |  |
|----|----------|-----------------|-------|----------|------|----------|---------|----|-----------|----|--|
| 19 | 23004298 | Nguyễn Quốc     | Khôi  | Xuất sắc | 3,90 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 21 |  |
| 20 | 23004088 | Trương Minh     | Khoa  | Xuất sắc | 3,84 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 19 |  |
| 21 | 23004267 | Nguyễn Quốc     | Bảo   | Xuất sắc | 3,72 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 19 |  |
| 22 | 23004308 | Huỳnh Tấn       | Đạt   | Xuất sắc | 3,67 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 23 | 23004167 | Trần Huỳnh Đăng | Khoa  | Tốt      | 4,00 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 19 |  |
| 24 | 23004198 | Nguyễn Tấn      | Lộc   | Tốt      | 4,00 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 19 |  |
| 25 | 23004202 | Lê Minh         | Phước | Tốt      | 4,00 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 19 |  |
| 26 | 23004244 | Nguyễn Phi      | Bằng  | Tốt      | 3,67 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 22 |  |

#### 5.ĐH.CNTP 2023

|    |          |          |      |     |      |      |         |    |           |    |  |
|----|----------|----------|------|-----|------|------|---------|----|-----------|----|--|
| 27 | 23005011 | Lê Huỳnh | Trâm | Tốt | 3,22 | Giỏi | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
|----|----------|----------|------|-----|------|------|---------|----|-----------|----|--|

#### 6.ĐH.CNKTCĐT 2023

|    |          |                  |        |          |      |          |         |    |           |    |  |
|----|----------|------------------|--------|----------|------|----------|---------|----|-----------|----|--|
| 28 | 23006031 | Võ Nhật          | Anh    | Xuất sắc | 4,00 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 29 | 23006033 | Nguyễn Minh Phú  | Sang   | Xuất sắc | 4,00 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 20 |  |
| 30 | 23006017 | Phạm Nguyễn Minh | Trường | Xuất sắc | 3,89 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 31 | 23006023 | Lê Võ Thành      | Đạt    | Tốt      | 3,75 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 20 |  |
| 32 | 23006024 | Nguyễn Vũ        | Hải    | Tốt      | 3,69 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 17 |  |

#### 7.ĐH.CNKTDK&TĐH 2023

|    |          |           |       |          |      |          |         |    |           |    |  |
|----|----------|-----------|-------|----------|------|----------|---------|----|-----------|----|--|
| 33 | 23007006 | Từ Minh   | Khôi  | Xuất sắc | 3,79 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 19 |  |
| 34 | 23007015 | Trần Đình | Tuyên | Tốt      | 3,30 | Giỏi     | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 20 |  |

#### 8.ĐH.CNKTCCK 2023

|    |          |             |      |          |      |          |         |    |           |    |  |
|----|----------|-------------|------|----------|------|----------|---------|----|-----------|----|--|
| 35 | 23008066 | Huỳnh Quang | Minh | Xuất sắc | 4,00 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 18 |  |
| 36 | 23008043 | Nguyễn Ngọc | Liên | Xuất sắc | 3,64 | Xuất sắc | 415.000 | 17 | 7.055.000 | 22 |  |

#### 9.ĐH.TY 2023



| TT                        | Mssv     | Họ và tên       |        | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|---------------------------|----------|-----------------|--------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 37                        | 23010112 | Nguyễn Trọng    | Phúc   | Xuất sắc     | 3,74           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 38                        | 23010113 | Lê Minh         | Trường | Xuất sắc     | 3,74           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 39                        | 23010114 | Nguyễn Vũ Yên   | Như    | Xuất sắc     | 3,63           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 40                        | 23010134 | Phạm Hồng       | Phúc   | Tốt          | 3,61           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 41                        | 23010037 | Bùi Minh        | Trí    | Tốt          | 3,59           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 42                        | 23010104 | Phạm Thị Ngọc   | Thúy   | Xuất sắc     | 3,53           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 43                        | 23010127 | Võ Quốc         | Linh   | Tốt          | 3,53           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>10.ĐH.CNSH 2023</b>    |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 44                        | 23014022 | Phạm Hồng       | Khuyến | Xuất sắc     | 3,47           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>11.ĐH.CNKTN 2023</b>   |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 45                        | 23013029 | Võ Tuấn         | Kiệt   | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 46                        | 23013001 | Nguyễn Phú      | Vinh   | Xuất sắc     | 3,89           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>12.ĐH.DL 2023</b>      |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 47                        | 23015047 | Võ Anh          | Thư    | Tốt          | 3,61           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 48                        | 23015003 | Nguyễn Thị Trà  | My     | Tốt          | 3,50           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| <b>13.ĐH.KINH TẾ 2023</b> |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 49                        | 23017184 | Huỳnh Minh      | Hằng   | Xuất sắc     | 3,82           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 50                        | 23017174 | Võ Ngọc Tâm     | Đoan   | Xuất sắc     | 3,71           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 51                        | 23017016 | Võ Trần Hạnh    | Trình  | Tốt          | 3,65           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 52                        | 23017178 | Phạm Ngọc       | Tiên   | Tốt          | 3,50           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 53                        | 23017017 | Nguyễn Thanh    | Hiền   | Tốt          | 3,47           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 54                        | 23017065 | Huỳnh Thị Kim   | Anh    | Tốt          | 3,42           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 55                        | 23017066 | Phùng Thị Hương | Trà    | Tốt          | 3,42           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 56                        | 23017084 | Nguyễn Phước An | Khang  | Tốt          | 3,42           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>14.ĐH.LUẬT 2023</b>    |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 57                        | 23018044 | Đoàn Thị Hồng   | Trăm   | Tốt          | 3,82           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |



| TT                                   | Mssv     | Họ và tên        |       | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|--------------------------------------|----------|------------------|-------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 58                                   | 23018048 | Võ Hoàng Thanh   | Thảo  | Tốt          | 3,53           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 59                                   | 23018041 | Phạm Nguyễn Anh  | Tường | Tốt          | 3,29           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| <b>15.ĐH.KTCTXD 2023</b>             |          |                  |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 60                                   | 23020010 | Huỳnh Phan Hữu   | Trung | Xuất sắc     | 3,85           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| <b>16.ĐH.QTDVDLVLH 2023</b>          |          |                  |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 61                                   | 23021019 | Dương Duy        | Khánh | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| 62                                   | 23021031 | Nguyễn Đỗ Như    | Quỳnh | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 63                                   | 23021026 | Trịnh Minh       | Thiện | Xuất sắc     | 3,85           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 64                                   | 23021041 | Đặng Phương      | Duyên | Xuất sắc     | 3,67           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 21             |         |
| 65                                   | 23021004 | Tăng Thị Mỹ      | Hạnh  | Xuất sắc     | 3,32           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| <b>17.ĐH.TMĐT 2023</b>               |          |                  |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 66                                   | 23025004 | Nguyễn Hồng      | Thắm  | Xuất sắc     | 3,47           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 17             |         |
| <b>18.ĐH.KTOTO ĐIỆN 2023</b>         |          |                  |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 67                                   | 23026010 | Võ Thành         | Trông | Xuất sắc     | 3,80           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 68                                   | 23026025 | Võ Nguyễn Nhật   | Hào   | Tốt          | 3,85           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 69                                   | 23026052 | Phan Tấn         | Thành | Tốt          | 3,60           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 20             |         |
| 70                                   | 23026049 | Nguyễn Trọng     | Phúc  | Tốt          | 3,33           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| <b>19.ĐH.Logistic&amp;QLCCU 2023</b> |          |                  |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 71                                   | 23027025 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền | Tốt          | 3,50           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 72                                   | 23027014 | Hồ Thanh         | Ngân  | Tốt          | 3,22           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| <b>20.ĐH.TT ĐPT 2023</b>             |          |                  |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 73                                   | 23029011 | Nguyễn Đỗ Tuyết  | Nhung | Xuất sắc     | 3,89           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 74                                   | 23029002 | Trương Gia       | Yến   | Tốt          | 3,78           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 75                                   | 23029023 | Lê Trần Bảo      | Khuê  | Tốt          | 3,78           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |



| TT | Mssv     | Họ và tên      | Xếp loại<br>RL1 | Điểm<br>TBCHT<br>HK1 | Loại<br>chung | Đơn giá<br>học bổng<br>(Đvt:<br>đồng/TC) | Số<br>TC | Thành tiền<br>(Đvt: đồng) | TC<br>đăng<br>ký<br>HK1 | Ghi<br>chú |
|----|----------|----------------|-----------------|----------------------|---------------|------------------------------------------|----------|---------------------------|-------------------------|------------|
| 76 | 23029059 | Nguyễn Mỹ Tiên | Tốt             | 3,65                 | Giỏi          | 415.000                                  | 17       | 7.055.000                 | 20                      |            |

Danh sách gồm có 76 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2025



THIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 49 ĐẠI HỌC  
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HỌC BỔNG SPKT)**

**HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2024 - 2025**

(Kèm theo quyết định số: 37/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV ngày 29 tháng 04 năm 2025)

| TT                | Mssv     | Họ và tên       |        | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|-------------------|----------|-----------------|--------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 1.ĐH.CNKTOTO 2024 |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 1                 | 24001107 | Nguyễn Tuấn     | Đạt    | Xuất sắc     | 3,60           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 2                 | 24001138 | Trần Nhựt       | Minh   | Tốt          | 3,67           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 3                 | 24001114 | Huỳnh Quốc      | Thống  | Xuất sắc     | 3,40           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 18             |         |
| 2.ĐH.CNCTM 2024   |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 4                 | 24002006 | Đặng Quốc       | Khánh  | Tốt          | 3,29           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 3.ĐH.CNKTDĐT 2024 |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 5                 | 24003017 | Lê Phúc         | Thịnh  | Xuất sắc     | 3,79           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 4.ĐH.CNTT 2024    |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 6                 | 24004012 | Lý Chung        | Nguyên | Xuất sắc     | 3,62           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 7                 | 24004151 | Nguyễn Lê Yến   | Nhi    | Tốt          | 3,85           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 8                 | 24004094 | Võ Nhựt         | Thái   | Tốt          | 3,62           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 9                 | 24004226 | Lê Hoàng        | Thịnh  | Tốt          | 3,62           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 10                | 24004072 | Nguyễn Thị Minh | Vy     | Tốt          | 3,54           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 11                | 24004052 | Trương Thiên    | Bảo    | Tốt          | 3,46           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 12                | 24004091 | Trần Phúc       | Tiến   | Tốt          | 3,46           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 13                | 24004178 | Huỳnh Nhật      | Hòa    | Tốt          | 3,46           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 5.ĐH.CNKTCĐT 2024 |          |                 |        |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 14                | 24006011 | Phạm Phước      | Tiến   | Tốt          | 3,87           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 15                | 24006031 | Đinh Minh       | Thông  | Tốt          | 3,53           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |



| TT                  | Mssv     | Họ và tên         |       | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú |
|---------------------|----------|-------------------|-------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|---------|
| 6. ĐH.CNKTCK 2024   |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 16                  | 24008023 | Hồ Thanh          | Sang  | Tốt          | 3,85           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 17                  | 24008031 | Lý Dương Gia      | Hưng  | Tốt          | 3,85           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 18                  | 24008061 | Ngô Minh          | Trí   | Tốt          | 3,62           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 7. ĐH.TY 2024       |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 19                  | 24010061 | Phạm Võ Đăng      | Khoa  | Xuất sắc     | 4,00           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 20                  | 24010067 | Trần Thế Trường   | Du    | Tốt          | 3,79           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 21                  | 24010113 | Dương Thanh       | Tuyền | Tốt          | 3,57           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 8.ĐH.CNKTN 2024     |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 22                  | 24013055 | Nguyễn Quang      | Tường | Xuất sắc     | 3,60           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 23                  | 24013037 | Phan Ngô Tâm      | Thuận | Tốt          | 3,20           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 9.ĐH.CNSH 2024      |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 24                  | 24014008 | Nguyễn Thị Cẩm    | Hằng  | Tốt          | 4,00           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 25                  | 24014007 | Bùi Ngọc Anh      | Thư   | Tốt          | 3,64           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 26                  | 24014011 | Nguyễn Hoàng Xuân | Tiên  | Tốt          | 3,57           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 10.ĐH.DL 2024       |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 27                  | 24015011 | Lê Nguyễn Bảo     | Ni    | Tốt          | 3,57           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 28                  | 24015021 | Huỳnh Thảo        | Trang | Tốt          | 3,57           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 11.ĐH.KINH TẾ 2024  |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 29                  | 24017044 | Phan Nhật         | Nam   | Tốt          | 3,86           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 30                  | 24017155 | Nguyễn Thị Thanh  | Thúy  | Tốt          | 3,86           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 31                  | 24017150 | Nguyễn Ngọc Minh  | Tuệ   | Tốt          | 3,43           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 12.ĐH.LUẬT 2024     |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 32                  | 24018048 | Nguyễn Thị Cẩm    | Nhi   | Tốt          | 3,71           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 13.ĐH.CNKTCTXD 2024 |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |
| 33                  | 24019004 | Trương Thanh      | Toàn  | Tốt          | 3,56           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |         |
| 14. ĐH.KTHH 2024    |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |         |

| TT                         | Mssv     | Họ và tên         |       | Xếp loại RL1 | Điểm TBCHT HK1 | Loại chung | Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC) | Số TC | Thành tiền (Đvt: đồng) | TC đăng ký HK1 | Ghi chú  |
|----------------------------|----------|-------------------|-------|--------------|----------------|------------|---------------------------------|-------|------------------------|----------------|----------|
| 34                         | 24024002 | Nguyễn Thị Phương | Anh   | Tốt          | 3,50           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 35                         | 24024011 | Võ Cát Gia        | Hân   | Tốt          | 3,50           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 15. DH.TMDT 2024           |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |          |
| 36                         | 24025001 | Trần Thị Phương   | Yến   | Tốt          | 3,43           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 16. DH.KTOTO ĐIỆN 2024     |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |          |
| 37                         | 24026016 | Trần Dương Đăng   | Khoa  | Xuất sắc     | 3,62           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 38                         | 24026009 | Huỳnh Quốc        | Huy   | Tốt          | 3,62           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 17. DH.Logistic&QLCCU 2024 |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |          |
| 39                         | 24027003 | Huỳnh Hồng        | Sam   | Tốt          | 3,36           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 40                         | 24027004 | Lê Nguyễn Minh    | Anh   | Tốt          | 3,21           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 18. DH. TT ĐPT 2024        |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |          |
| 41                         | 24029003 | Nguyễn Hữu        | Tình  | Xuất sắc     | 3,86           | Xuất sắc   | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             | BẢO TÀNG |
| 42                         | 24029002 | Trần Thị Cẩm      | Ngọc  | Xuất sắc     | 3,43           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 43                         | 24029095 | Nguyễn Ngọc Thảo  | Sương | Tốt          | 3,29           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 19             |          |
| 19. DH.GDH 2024            |          |                   |       |              |                |            |                                 |       |                        |                |          |
| 44                         | 24030007 | Bùi Quốc          | Anh   | Tốt          | 3,67           | Giỏi       | 415.000                         | 17    | 7.055.000              | 15             |          |

**Danh sách gồm có 44 sinh viên**

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



*PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng*